

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 114 /BC-CTCPNS

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600100109
Do Sở KH&ĐT Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 25/12/2009, cấp thay đổi lần 7 ngày 14/2/2023.
- Vốn điều lệ : 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Trụ sở chính : Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Điện thoại : (+84).0208.3851537
- Fax : (+84).0208.3852976
- Website : <http://www.nuocsachthainguyen.vn>
- Mã cổ phiếu : TNW

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên (theo Quyết định

số: 2691/QĐ- UBND ngày 22/10/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên). Công ty tiến hành phiên họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất vào ngày 20/12/2009 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2010.

Những dấu mốc kể từ ngày Công ty được thành lập:

- **Năm 1962:** Nhà máy nước Túc Duyên được thành lập.
- **Ngày 31/12/1992:** Doanh nghiệp Nhà nước: Nhà máy nước Bắc Thái được thành lập theo Quyết định số 753/QĐ-UB ngày 31/12/1992 UBND tỉnh Bắc Thái.
- **Ngày 24/11/1993:** Nhà máy nước Bắc Thái được đổi tên thành Công ty Cấp nước Bắc Thái, tại Quyết định số 746/UB-QĐ ngày 24/11/1993 UBND tỉnh Bắc Thái.
- **Ngày 04/4/1997:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 681/QĐ-UB về việc đổi tên Công ty Cấp nước Bắc Thái thành Công ty Cấp nước Thái Nguyên.
- **Ngày 07/10/2005:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2088/QĐ- UBND về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và đổi tên Công ty Cấp nước Thái Nguyên thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên.
- **Ngày 22/10/2009:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2691/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.
- **Ngày 21/10/2014:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2338/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu doanh nghiệp và phương án phát hành cổ phần, tăng Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên lên 160 tỷ đồng.
- **Ngày 25/4/2017:** Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017.
- **Ngày 26/5/2017:** Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty:

<u>Stt</u>	<u>Tên ngành</u>	<u>Mã ngành</u>
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước;	3600 (Chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;	4322
4	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
5	Xây dựng nhà các loại;	4210
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật);	4290

7	Hoạt động tư vấn quản lý (tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình);	7020
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khoan thăm dò và khoan khai thác nước ngầm; Khảo sát địa hình, địa chất công trình; Thiết kế hệ thống cấp nước, thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp; Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp, công trình điện năng; Giám sát xây dựng công trình dân dụng, cấp thoát nước, đường dây và trạm điện;	7110
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy);	5221
12	Cho thuê xe có động cơ;	7710
13	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;	8130
14	Sản xuất khác chưa phân vào đâu (Chế tạo thiết bị ngành nước);	3290
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

Địa bàn kinh doanh:

- Thành phố Thái Nguyên;
- Thành phố Sông Công;
- Thành phố Phổ Yên và các vùng lân cận;
- Thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ và các vùng lân cận;
- Thị trấn Đu, huyện Phú Lương và các vùng lân cận;
- Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai và các vùng lân cận;
- Thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ và các vùng lân cận;
- Khu công nghiệp Diêm Thụy, Phú Bình và các vùng lân cận.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Đại hội đồng cổ đông



- Hội đồng quản trị: 05 thành viên
- Ban kiểm soát: 03 thành viên
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
 - + Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng: 04 thành viên
 - + Các phòng chức năng: 05
 - + Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: 01
 - + Chi nhánh xí nghiệp: 09

3.3. Công ty con: :

(1) Công ty TNHH Xây dựng công trình nước sạch Thái Nguyên

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 VND (Ba tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

(2) Công ty TNHH Friend

- Địa chỉ: Tổ 1, đường Bến Oánh, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và tiêu thụ nước tinh khiết và các đồ uống không cồn, đồ uống có cồn.
- Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000 VND (Một tỷ đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

4.4. Công ty liên kết:

(1) Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam

- Địa chỉ: Số 15, ngõ 155/74/20, phố Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất điện và đầu tư tài chính dài hạn.
- Vốn điều lệ thực góp: 232.498.900.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai tỷ, bốn trăm chín tám triệu, chín trăm nghìn đồng).
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty liên kết: 35,91 % vốn điều lệ thực góp.

4. Định hướng phát triển:

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:



- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm công tác phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đầu tư trong lĩnh vực ngành nghề chính là Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch sinh hoạt đáp ứng theo văn bản Thỏa thuận dịch vụ cấp nước đã ký kết với UBND tỉnh Thái Nguyên.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Thực hiện Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

4.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước sạch (nước mặt và nước ngầm), tiết kiệm năng lượng, sử dụng các máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường ..., đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

5. Các rủi ro:

- Giá bán nước sinh hoạt (thẩm quyền do UBND tỉnh quyết định) điều chỉnh chưa kịp thời khi chi phí sản xuất tăng lên.

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch của khách hàng sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết trước khi thực hiện dự án, dẫn đến sản lượng, doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Các dự án, công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông, đô thị trong tỉnh đã buộc Công ty phải chi phí dịch chuyển, sửa chữa, thay mới các tuyến ống, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và kiểm soát hao hụt/thất thoát nước.

- Tỷ lệ hộ khách hàng sử dụng cả nguồn tự khai thác nước giếng khoan để sử dụng cao nên mức sử dụng nước sạch bình quân các hộ khách hàng hàng tháng thấp hơn mục tiêu tại Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh định hướng phát triển Định hướng cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xung đột vũ trang trên thế giới và rủi ro về thiên tai, dịch bệnh ở trong nước ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội nói chung và ảnh hưởng đến mức độ tiêu thụ nước sạch và hiệu quả kinh doanh của Công ty nói riêng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2024

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Nội dung	ĐVT	KH năm 2024	TH năm 2024	TH/KH năm 2024	TH 2024/TH 2023
1	Sản lượng nước thương phẩm	m ³	17.012.000	17.040.672	100,2%	102,7%
-	Khu vực cổ phần	m ³	16.300.000	16.427.695	100,7%	
-	Khu vực chưa cổ phần	m ³	704.730	612.977	86,9%	
2	Tỷ lệ thất thoát/hao hụt nước	%	22,38	21,73	-0,67	4,42
-	Khu vực cổ phần	%	22,84	21,69	-1,18	4,65
-	Khu vực chưa cổ phần	%	18,50	22,70	4,20	0,13
3	Mở mạng khách hàng mới	Hộ	2.212	2.234	101,0%	83,1%
4	Giá trị tổng sản lượng	1.000đ	250.282.240	194.454.496	77,6%	103,4%
5	Tổng doanh thu	1.000đ	259.544.436	230.500.155	88,8%	103,7%
6	Nộp ngân sách	1.000đ	9.322.748	9.869.148	105,8%	84,0%
7	Tổng số lao động bình quân	Người	460	452	98,2%	98,7%
8	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000đ	11.300	11.421	101,1%	101,6%
9	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	5.818.202	(4.573.096)		
-	Khu vực cổ phần	1.000đ	12.808.438	2.723.996	21,2%	935,8%
-	Khu vực chưa cổ phần	1.000đ	(6.990.236)	(7.297.092)	104,3%	112,2%

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc, sự quyết tâm, đoàn kết của toàn thể cán bộ, người lao động Công ty, năm 2024 Công ty đã đạt được những kết quả nổi bật như: Đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định, kiểm soát tốt an ninh nguồn nước, chất lượng nước tại các nhà máy, an toàn cấp nước trên địa bàn của Công ty; sản lượng nước thương phẩm và tỷ lệ hao hụt vượt kế hoạch đề ra; nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ theo số phát sinh; bảo đảm đời sống, việc làm, chế độ của người lao động được thực hiện đầy đủ, thu nhập bình quân tăng trưởng. Tuy nhiên hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty chưa đạt kế hoạch do các nguyên nhân khách quan. Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão, an ninh trật tự trong Công ty được giữ vững. Các hoạt động xã hội, từ thiện, phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao được duy trì tốt và đạt được nhiều thành tích.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1 Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 26/3/2025)
1.	Nguyễn Xuân Học	TGD	1971	Cử nhân Kinh tế	3.449.232
2.	Nguyễn Văn Tiến	PTGD	1969	Kỹ sư Quản trị DN	1.656.984

97/0

3.	Nguyễn Bá Quyết	PTGD	1976	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cấp Thoát nước	206.100
4.	Lê Huy Phú	PTGD	1983	Kỹ sư Cấp Thoát nước, Kỹ sư Tự động hoá	1.657.032
5.	Nguyễn Minh Phương	Kế toán trưởng	1984	Cử nhân Kế toán	0

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành:

Từ ngày 01/12/2024 ông Nguyễn Bá Quyết được miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc theo nguyện vọng cá nhân.

2.3 Số lượng cán bộ CNV-LĐ thuộc công ty tính đến hết ngày 31/12/2024:

Tổng số: 449 người.

2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước, quy chế nội bộ không có thay đổi lớn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Dự án Phát triển Hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên đã hoàn thành bàn giao cho Công ty tiếp nhận và chính thức vận hành kể từ 25/10/2023. Năm 2024 đã giải ngân 67.797 triệu đồng.

- Các công trình đầu tư: Đã hoàn thành thi công và quyết toán 11 công trình với giá trị 3,537 tỷ đồng; đang thi công 17 công trình với giá trị 16,135 tỷ đồng; đang thực hiện công tác chuẩn bị thi công cho 9 công trình với giá trị 18,289 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con và công ty liên kết không có biến động, thay đổi lớn so với năm trước.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính (theo Báo cáo tài chính hợp nhất):

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	863.081.905.901	828.323.171.395	- 4,0 %
	- Tài sản ngắn hạn	đồng	77.552.617.386	81.083.729.467	4,6 %
	- Tài sản dài hạn	đồng	785.529.288.515	747.239.441.928	- 4,9 %
2	Doanh thu thuần	đồng	221.592.977.503	230.077.135.111	3,8%
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	đồng	(3.425.669.627)	(4.415.489.709)	28,9%
4	Lợi nhuận khác	đồng	55.570.641	60.835.942	9,5%

gjn

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	(3.370.098.986)	(4.354.653.767)	29,2%
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	(6.207.862.064)	(4.573.096.097)	-26,3%
	- Khu vực cổ phần	đồng	291.085.337	2.723.996.810	835,8 %
	- Khu vực chưa cổ phần	đồng	(6.498.947.401)	(7.297.092.907)	12,3%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	(388)	(286)	-26,3%

b). Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	Chỉ tiêu		Năm 2023	Năm 2024
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	0,43	0,46
	- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,36	0,38
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,75	0,76
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	2,97	3,08
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	lần	8,5	8,5
	- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	lần	0,26	0,28
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số P sau thuế/ DT thuần	lần	(0,03)	(0,02)
	- Hệ số P sau thuế/ Vốn CSH	lần	(0,03)	(0,02)
	- Hệ số P sau thuế/ Tổng TS	lần	(0,007)	(0,006)
	- Hệ số P từ HĐKD/ DT thuần	lần	(0,02)	(0,01)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 16.000.000 cổ phần, bao gồm 100 % là cổ phần phổ thông, trong đó:

+ Số lượng cổ phần do Nhà nước sở hữu: 6.763.200 cổ phần

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 16.000.000 cổ phần

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

- Ngày 25/4/2017 Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017:

- + Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên
 - + Mã chứng khoán: TNW
 - + Mã ISIN: VN000000TNW1
 - + Sàn giao dịch: UPCOM
 - + Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)
 - + Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
 - + Số lượng cổ phiếu đăng ký: 16.000.000 cổ phiếu
 - + Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng)
 - + Hình thức đăng ký: Ghi sổ
- Ngày 26/5/2017 Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

b) Cơ cấu cổ đông (Tại thời điểm 26/3/2025):

(1) Cơ cấu theo cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:

- Cổ đông lớn:	03 CĐ, nắm giữ	93,32%	Vốn Điều lệ
- Cổ đông nhỏ:	333 CĐ, nắm giữ	6,68%	Vốn Điều lệ

(2) Cơ cấu cổ đông là tổ chức và cá nhân:

- Cổ đông là tổ chức:	02 CĐ, nắm giữ	83,27%	Vốn Điều lệ
- Cổ đông là cá nhân:	334 CĐ, nắm giữ	16,73%	Vốn Điều lệ

(3) Cơ cấu cổ đông trong nước và nước ngoài:

- Cổ đông trong nước:	333 CĐ, nắm giữ	99,998 %	Vốn Điều lệ
- Cổ đông nước ngoài:	03 CĐ, nắm giữ	0,002 %	Vốn Điều lệ

(4) Cơ cấu cổ đông Nhà nước và cổ đông khác:

- Cổ đông Nhà nước:	01 CĐ, nắm giữ	42,27%	Vốn Điều lệ
- Cổ đông khác:	336 CĐ, nắm giữ	57,73%	Vốn Điều lệ

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có sự thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.



6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Nước: 22.311.426 m³
- Clo lỏng: 111.552 kg
- Javen công nghiệp: 83.066 kg
- Phèn kép: 379.695 kg
- Vôi bột: 112.830 kg

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

6.3 Tiêu thụ năng lượng:

a) Điện năng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 5.764.695 KWh

b) Điện năng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không.

6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước ngầm và nước sông Công. Lượng nước sử dụng: 22.311.426 m³ khai thác để sản xuất nước sạch sinh hoạt.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân: 452 người, mức tiền lương trung bình đối với người lao động: 11.421.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo pháp luật lao động hiện hành, hỗ trợ kinh phí cho người lao động thăm quan, nghỉ mát.

c) Hoạt động đào tạo:



- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 10 giờ/người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Học tập kỹ năng giao tiếp với khách hàng; học tập về công tác an toàn vệ sinh lao động; học tập, tập huấn về các văn bản mới; hội thảo, trao đổi kinh nghiệm, thăm quan...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo, nâng cấp mạng đường ống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cấp nước; đầu tư mới hệ thống mạng đường ống cấp nước để mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng người dân được cấp nước.

Giá bán nước đối với hộ nghèo được miễn từ 0 đến 10 m³/tháng, giá bán từ 11 m³ trở lên thấp hơn 15,3% so các hộ dân khác.

Tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện – xã hội do chính quyền địa phương và các đoàn thể chính trị - xã hội phát động.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc, sự quyết tâm đoàn kết của toàn thể cán bộ, người lao động Công ty, năm 2024 Công ty đã đạt được những kết quả nổi bật như: Đảm bảo sản xuất kinh doanh ổn định, kiểm soát tốt an ninh nguồn nước, chất lượng nước tại các nhà máy, an toàn cấp nước trên địa bàn của Công ty; sản lượng nước thương phẩm và tỷ lệ hao hụt vượt kế hoạch đề ra; nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ theo số phát sinh; bảo đảm đời sống, việc làm, chế độ của người lao động được thực hiện đầy đủ, thu nhập bình quân tăng trưởng. Tuy nhiên hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty chưa đạt kế hoạch do các nguyên nhân khách quan. Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão, an ninh trật tự trong Công ty được giữ vững. Các hoạt động xã hội, từ thiện, phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao được duy trì tốt và đạt được nhiều thành tích.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản: Tổng giá trị tài sản cuối kỳ (31/12/2024) là 828.323.171.395 đồng, trong đó Tài sản ngắn hạn là 81.083.729.467 đồng, Tài sản dài hạn 747.239.441.928 đồng. Tổng tài sản cuối kỳ giảm 34.758.734.506 đồng tương đương (4,0) %.

b) Tình hình nợ phải trả, các chỉ tiêu tài chính:

- Nợ phải trả: Tổng nợ phải trả cuối kỳ (31/12/2024) là 625.466.168.054 đồng, trong đó nợ ngắn hạn là 175.284.952.881 đồng, nợ dài hạn là 450.181.215.173 đồng. Tổng nợ phải trả cuối kỳ giảm 20.419.350.636 đồng, tương đương (3,2) %.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: 0,46
- Hệ số thanh toán nhanh: 0,38
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản: 0,76
- Hệ số Nợ/ Vốn Chủ sở hữu: 3,08

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc lao động hằng tháng, có cơ chế thưởng cán bộ, người lao động có thành tích mang lại hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống đường ống truyền tải và phân phối để mở rộng vùng cấp nước, phát triển khách hàng mới để phát huy công suất của các nhà máy.
- Đầu tư các thiết bị tiên tiến để kiểm soát vận hành nhà máy, kiểm soát tỷ lệ hao hụt nước thương phẩm trên hệ thống mạng cấp nước.
- Đầu tư cải tạo, nâng cấp dây truyền sản xuất nhằm nâng cao và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ ảnh hưởng đến chất lượng nước cung cấp và gây thất thoát nước.
- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ, các quy trình sản xuất nhằm nâng cao chất lượng quản trị, quản lý.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến ngoại trừ của kiểm toán:

Ngày 09/11/2022 HĐQT Công ty có Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT về việc thoái vốn đầu tư tại công ty liên kết, đến ngày 01/8/2023 HĐQT có Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT về việc gia hạn hoàn thành thoái vốn trước ngày 31/12/2024. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện, do có nhiều nguyên nhân ảnh hưởng dẫn tới thời điểm kết thúc năm tài chính 2024 Công ty chưa hoàn thành. Hiện tại Công ty đã xây dựng kế hoạch SXKD, trong đó có lộ trình thoái vốn tại công ty liên kết để trình ĐHCĐ thường niên năm 2025, cụ thể thời gian hoàn thành thoái vốn chậm nhất trong quý III năm 2025.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):* Công ty luôn quản lý, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, kiểm tra giám sát vùng bảo hộ vệ sinh nguồn nước sản xuất theo quy định.

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:* Cán bộ, người lao động trong Công ty là những người được đào tạo cơ bản, có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng Công ty phát triển.



c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:* Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và công tác xã hội tại địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Nhất trí theo báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 (Mục III.1).

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, sản lượng nước thương phẩm và tỷ lệ hao hụt hoàn thành vượt kế hoạch; bảo đảm an toàn về tài sản, an toàn lao động, an ninh trật tự; bảo đảm đời sống, việc làm, thu nhập và môi quan hệ lao động hài hoà, ổn định trong doanh nghiệp. Chấp hành tốt các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty. Hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty và một số nhiệm vụ đề ra chưa hoàn thành chủ yếu do nhiều nguyên nhân khách quan.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Công tác sản xuất nước sạch và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước sạch là nhiệm vụ trọng tâm.

- Tiếp tục kiến nghị các cấp có thẩm quyền nghiên cứu thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật của nhà nước, tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm công tác phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt là cơ cấu lại các đơn vị sản xuất nước thị trấn, huyện chưa cổ phần theo đúng quy định pháp luật Nhà nước, giải quyết số lỗ tồn tại các năm để bảo đảm tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tăng vốn điều lệ Công ty theo quy định của Nhà nước.

- Kiến nghị điều chỉnh giá bán nước sạch hợp lý, có lộ trình và kịp thời với các biến động lớn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, có cơ chế bù giá nước sinh hoạt tại địa phương để bảo đảm an sinh xã hội, khuyến khích người dân sử dụng nước bảo đảm vệ sinh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, phát triển bền vững.

- Tiếp tục rà soát để tổ chức bộ máy tổ chức tinh gọn, linh hoạt, phù hợp với tính chất ngành nghề, ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, dịch vụ để nâng cao chất lượng và năng suất lao động.

- Đổi mới hình thức khoán hiệu quả, phù hợp đối với từng công việc.

- Nghiên cứu, thực hiện đầu tư các dự án, công trình:

- + Xây dựng mạng lưới cấp nước bổ sung cho TP Sông Công và vùng phụ cận.

- + Bổ sung tuyến ống cấp nước cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo nhu cầu sử dụng; xây dựng tuyến ống cấp nước cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung;

- + Đầu tư đường ống mạng cấp 3 để phát triển khách hàng;
- + Đầu tư thay thế các tuyến ống cũ, ống thép cũ trước đồng hồ, sửa chữa lớn các tài sản cố định đã hư hỏng, xuống cấp;
- + Đầu tư thiết bị, ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, dịch vụ cấp nước.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Số CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 26/3/2025)	Chức vụ tại Công ty	Chức vụ tại công ty khác
1	Nguyễn Quang Mão	8.167.546	Chủ tịch HĐQT	- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn quốc tế Đông á. - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam. - Chủ tịch HĐQT Công ty DOINCO Việt Nam. - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần VBIC Việt Nam.
2	Nguyễn Xuân Học	3.449.232	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	
3	Nguyễn Văn Tiến	1.656.984	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	
4	Nguyễn Bá Quyết	206.100	Thành viên HĐQT	
5	Lê Quang Hải	0	Thành viên HĐQT	

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT đã có 43 phiên họp để xem xét và quyết định các nội dung theo thẩm quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Các buổi họp của HĐQT đều mời đại diện BKS tham dự. Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung và kết quả các cuộc họp được phản ánh đầy đủ tại Báo cáo quản trị công ty năm 2024 theo quy định.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: HĐQT chưa có thành viên độc lập.

e) Danh sách các thành viên HĐQT đào tạo về quản trị Công ty:

TT	Họ và Tên	Trình độ đào tạo
1	Nguyễn Bá Quyết	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2	Nguyễn Văn Tiến	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 26/3/2025)
1	Vũ Khánh Lâm	Trưởng Ban	0
2	Hoàng Thị Huệ	Thành viên	13.611
3	Nguyễn Thị Mai	Thành viên	0

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS):

- BKS đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Tổ chức 06 cuộc họp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; bám sát Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cụ thể: Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ; xem xét đánh giá kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

- Tham gia với HĐQT trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát chi trong năm 2024:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2024:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Họ và tên	Lương + Ăn ca	Thưởng	Thù lao hội đồng quản trị	Các khoản lễ tết	Tổng
A	HĐQT, Ban TGD					

(Chữ ký)

1	Nguyễn Quang Mãi			528.000.000	7.200.000	535.200.000
2	Nguyễn Xuân Học	405.705.000	2.000.000	115.200.000	7.200.000	530.105.000
3	Nguyễn Bá Quyết	315.096.000		115.200.000	7.200.000	437.496.000
4	Nguyễn Văn Tiến	354.116.000	1.000.000	115.200.000	7.200.000	477.516.000
5	Lê Quang Hải	306.000.000		115.200.000	6.200.000	427.400.000
6	Lê Huy Phú	472.334.000	500.000		7.200.000	480.034.000
B	Ban Kiểm Soát					-
1	Vũ Khánh Lâm			330.000.000	7.200.000	337.200.000
2	Nguyễn Thị Mai			184.800.000	7.200.000	192.000.000
3	Hoàng Thị Huệ	324.240.000	1.500.000	84.480.000	7.200.000	417.420.000
C	Cán bộ quản lý					-
1	Nguyễn Minh Phương	396.000.000	2.000.000		7.200.000	405.200.000
2	Đặng Thị Duyên	301.836.000	1.500.000		7.200.000	310.536.000
3	Trần Tiến Soạn	313.271.000	1.500.000		7.200.000	321.971.000
4	Nguyễn Thị Ngọc Anh	302.385.000	1.500.000		7.200.000	311.085.000
5	Nguyễn Thị Nhâm	284.516.000	2.000.000		7.200.000	293.716.000
6	Phạm Quốc Hùng	342.322.000	2.000.000		7.200.000	351.522.000
7	Phạm Đức Mạnh	370.670.000	2.000.000		7.200.000	379.870.000
8	Hà Văn Hải	444.876.000	2.000.000		7.200.000	454.076.000
9	Phạm Hồng Hà	211.690.000	500.000		7.200.000	219.390.000
10	Nguyễn Huy Quỳnh	204.463.000	1.500.000		7.200.000	213.163.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ năm 2024: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Hợp đồng nguyên tắc với Công ty TNHH Xây dựng công trình Nước sạch Thái Nguyên (Là Công ty con) về việc thi công mở mạng phát triển khách hàng mới trên hệ thống mạng cấp nước của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty, đặc biệt là tuân thủ Điều lệ Công ty, có kế hoạch rà soát để sửa đổi, bổ sung các văn bản nội bộ để bảo đảm phù hợp với quy định của các văn bản pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán:

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Nghị quyết HĐQT về việc thoái vốn tại công ty liên kết đã hết hạn tại ngày 31/12/2024. Tại thời điểm kiểm toán, Công ty đang có kế hoạch tiếp tục thực hiện việc thoái vốn này trong năm 2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2024 hay không.

- Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Ban lãnh đạo Công ty đã xác nhận Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024, được công bố thông tin theo quy định và đăng tải trên địa chỉ Website của Công ty: <http://nuocsachthainguyen.vn> ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**TUQ. CHỦ TỊCH HĐQT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Học